

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 09/2024/QĐST- DS

Y, ngày 15 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 13 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 36/2023/TLST- DS ngày 04 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; (tên gọi tắt Sacombank) Địa chỉ: Số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm - Tổng giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền lại: Bà Bùi Thanh Th - Trưởng phòng giao dịch Y.

* Bị đơn: vợ chồng ông Đỗ Văn B, sinh năm: 1977 và bà Đỗ Hải Ch, sinh năm 1980; Đều có địa chỉ cư trú: thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nợ: Đại diện Ngân hàng TMCP S và vợ chồng ông Đỗ Văn B và bà Đỗ Hải Ch tính đến ngày 07/5/2024 vợ chồng ông Đỗ Văn B và bà Đỗ Hải Ch còn nợ Ngân hàng Sacombank:

1. Hợp đồng tín dụng số LD 1804400092 ngày 13/02/2018. Tổng dư nợ là 19.512.848 đồng trong đó nợ gốc là 15.000.000 đồng, lãi trong hạn là 2.407.776 đồng, lãi quá hạn là 1.916.390 đồng, lãi phạt quá hạn là 188.682 đồng.

2. Hợp đồng tín dụng số LD1911500093 ngày 25/4/2019. Tổng dư nợ là 175.230.793 đồng trong đó nợ gốc là 147.500.000 đồng, lãi trong hạn là

22.260.313 đồng, lãi quá hạn là 4.185.119 đồng, lãi phạt quá hạn là 1.285.361 đồng

Tổng ông Đỗ Văn B và bà Đỗ Hải Ch còn nợ Ngân hàng số tiền là 194.743.641 đồng (*Một trăm chín mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm bốn một đồng*)

2.2. Về phương thức thanh toán:

Sacombank và vợ chồng ông B bà Ch thỏa thuận số tiền trên ông B bà Ch có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho Ngân hàng Sacombank cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 07/5/2024 là 194.743.641 đồng (*Một trăm chín mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm bốn một đồng*) thời hạn thanh toán toàn bộ số tiền trên vào ngày 06/6/2024.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 07/5/2024, ông B và bà Ch phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với nợ gốc cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận được quy định trong Hợp đồng tín dụng số LD1804400092 ngày 13/02/2018 và Hợp đồng tín dụng số LD1911500093 ngày 25/4/2019 được ký kết giữa Ngân hàng với vợ chồng ông B bà Ch.

Trường hợp đến hạn theo thỏa thuận trên vợ chồng ông B bà Ch không trả được khoản nợ trên cho Sacombank thì Sacombank có quyền đề nghị Thi hành án phát mãi và bán toàn bộ tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 42 ngày 06/6/2014 mà vợ chồng ông B bà Ch đã ký kết với Ngân hàng gồm: thửa đất số 69, tờ bản đồ số 17 diện tích 262,0m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất mang tên Đỗ Văn B và Đỗ Hải Ch ở tại thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh H, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AC 2535756, sổ vào sổ cấp H 00312 do UBND huyện Y cấp ngày 07/6/2006 mang tên ông Đỗ Văn Tò và được tặng cho ông Đỗ Văn B và bà Đỗ Hải Ch để thu hồi nợ.

Trong trường hợp số tiền phát mãi thu hồi từ tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì ông B bà Ch phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

2.3. Về án phí: Vợ chồng ông Đỗ Văn B và bà Đỗ Hải Ch tự nguyện chịu số tiền 4.868.000 đồng (*Bốn triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng TMCP S số tiền 4.475.000 đồng (*Bốn triệu bốn trăm bảy mươi năm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001435 ngày 01/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *TAND, VKSND tỉnh H;*
- *VKS huyện Y;*
- *Chi cục THADS huyện Y;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phan Thị Nhiên